

Bản án: 62/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 12 - 7 - 2024

“T/c về hôn nhân và gia đình
– Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Lê Duy Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Ngữ.

2. Ông Lê Văn Vững.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Jét là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 229/2024/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2024. Về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2024/QĐXXST – HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đặng Văn Chí N, sinh năm 1990.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện T, Đồng Tháp.

Tại phiên tòa anh N có mặt, chị H vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Anh Nghĩa là nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H quen biết và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã T, tỉnh An Giang.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, anh chị sống ly thân với nhau hơn 01 năm nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với chị H.

- Về quan hệ nuôi con: Có 01 con chung tên Đặng Văn Trường N1, sinh ngày 05/3/2013 (cháu N1 đang sống cùng chị H). Anh N đồng ý giao cháu N1 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- Về quan hệ tài sản: Không có.

- Về quan hệ nợ: Không có.

2. Chị H là bị đơn vắng mặt. Nhưng văn bản ghi ý kiến ngày 08/6/2024 chị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N quen biết và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã T, tỉnh An Giang.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, anh chị sống ly thân với nhau gần 01 năm nay. Nay anh N yêu cầu ly hôn, chị H đồng ý ly hôn.

- Về quan hệ nuôi con: Có 01 con chung tên Đặng Văn Trường N1, sinh ngày 05/3/2013 (cháu N1 đang sống cùng chị H).

Chị H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu N1 mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- Về quan hệ tài sản: Không có.

- Về quan hệ nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 22/4/2024 của anh N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Chị **H** là bị đơn có nơi thường trú **xã T, huyện T, Đồng Tháp** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị **H** vắng mặt (có đơn xin vắng mặt). Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **N**, chị **H** đăng ký kết hôn tại **UBND xã V, thị xã T, tỉnh An Giang** vào năm 2013 là phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Đơn khởi kiện do anh **N** nộp và căn cứ văn bản ý kiến ngày 08/6/2024 của chị **H** thể hiện anh **N**, chị **H** sống ly thân hơn 01 năm nay là có thật. Mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc tình cảm. Nay chị **H** đồng ý ly hôn với anh **N** nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ hoặc chồng có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”

[4.2] Về quan hệ nuôi con:

Anh **N**, chị **H** thống nhất việc chị **H** tiếp tục nuôi dưỡng cháu **Đặng Văn T N1** và anh **N** tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu **N1** mỗi tháng 3.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của anh **N**.

Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

1.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

[4.3] Về quan hệ tài sản: Không có.

[4.4] Về quan hệ nợ: Không có.

[5] Về án phí: Anh **N** phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của **Đặng Văn Chí N**. Cho anh **Đặng Văn Chí N** và chị **Nguyễn Thị Mỹ H** ly hôn.

2. Về quan hệ nuôi con: Chị **H** tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên **Đặng Văn Trường N1**, sinh ngày 05/3/2013 (cháu **N1** đang sống cùng chị **H**). Anh **N** tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu **N1** mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi cháu **N1** đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh **N**, chị **H** có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Sau khi ly hôn anh **N** được quyền thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Không có.

4. Về quan hệ nợ: Không có.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh **N** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0005728, ngày 10/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười (anh **N** nộp tiếp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười).

6. Về quyền kháng cáo: Anh **N** được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị **H** vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- Cơ quan đăng ký việc kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Lê Duy Khánh